

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		JS2+RP2+PVD6	7:25	16+1+1	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
2		TD2+P4+JS2	9:25	4+5+3	0+0+0		2+9+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 người P8 về qua P4;

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/03/2019	TO: JS2 - RP2 - PVD6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - QViệt - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CLIFFORD FERNANDES	JS2	71	1	20	36	86	KHOAN	Indian
2	LYNDON TRINIDADE RAYMOND	JS2	72	1	10		71	KHOAN	Indian
3	BASSON HERMANUS J.SCHREUDER	JS2	63-64	2	9		115	KHOAN	S.African
4	NGUYEN VAN MAN	JS2	2000,01	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH CUONG	JS2	60	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
6	HO QUOC CUONG	JS2	62	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
7	VO TA MAU	JS2	69	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN THE	JS2	57-58	2	19		71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUC	JS2	74-75	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG DAI NGHIA	JS2	61	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	56	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ANH HUNG	JS2	67	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MANH HUNG	JS2	70	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG QUOC VIET	JS2	73	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
15	DAM NGOC TUAN ANH	JS2	65-66	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG VAN MINH	JS2	68	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
17	EREMEEV EVGENII	JS2	59	1	12		95	KHOAN	Russian
18	PHAM BA HOANG	RP2	55-56	2	12	20	68	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI CONG HIEP	PVD6	85-86	2	20		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

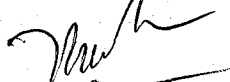
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	17	22	163	1.271	36	10		
2	RP2	1	2	12	68	20	5		
3	PVD6	1	2	20	69	0	7		
TOTAL		19	26	195	1.408	56	22		
WEIGHT KG				195	1.408	56			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2019	TO: TD2 - P4 - JS2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - QViệt - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ANH TUẤN	TD2	36-39	4	15		70	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ VĂN BAO	TD2	33	1	12		60	DVL	Vietnamese
3	PHẠM THẾ VINH	TD2	30-31	2	12	40	100	NIPI	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC CUÔNG	TD2	32	1	15		60	PSV	Vietnamese
5	BUI VAN TRI	P4	47	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VU THUẬT	P4	45	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUẤN	P4	43	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH TUẤN	P4	44	1	6		76	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐO CÔNG PHONG	P4	46	1	6		66	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ QUYẾT THANG	JS2	82-83	2	17		62	KHOAN	Vietnamese
11	VO LÊ DUY TÂN	JS2	81	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
12	VU CÔNG NGHĨ	JS2	80	1	8		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	8	54	290	40	2		
2	P4	5	5	32	342	0	9		
3	JS2	3	4	35	212	0	10		
TOTAL		12	17	121	844	40	21		
WEIGHT KG				121	844	40			

GRAND TOAL: 1.005 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+BK9+CTK3	7:25	10+0+12	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
2		TD1+BK4	7:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
3		TD5+CLO	7:25	2+20	0+0		0+20	0+0	
4		PPD	9:25	22	0		22	0	
5		PVD6-RC4+TD1	9:25	6+14	0+0		2+20	0+0	
6		RP1+CLO	9:25	15+7	0+0		8+12	0+0	
7		CTK3+BK10+P8	11:25	13+5+4	0+0+0		8+2+7	0+0+0	
8		BK16+BK6+P2	11:25	5+0+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 BK6 SANG P2
9		RC3+RP2+RP3	11:25	6+7+9	0+0+0		0+2+15	0+0+0	
10		P3+P6+P9	13:25	10+4+8	0+0+0		2+4+10	0+0+0	
11		CNV+P10+P4	13:25	2+11+8	0+0+0		0+5+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
RP3-4 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2019	TO: RP3 - BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRUỖNG - HIỂU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TÂN	RP3	84	1	2	7	75	D-HANH	Vietnamese
2	MEDVEDEVSKY	RP3					95	D-HANH	Russian
3	NGUYỄN NGỌC NAM	RP3	88	1	2		80	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	RP3	87	1	2		48	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG KHANH	RP3	89-90	2	5		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH KHOAN	RP3	92	1	5		55	NIPI	Vietnamese
7	LÊ VĂN TỰ	RP3	91	1	5	15	56	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HÙNG	RP3	95-96	2	15	15	65	NIPI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	86	1	3		69	PSV	Vietnamese
10	HỒ NGỌC THÀNH	RP3	85	1	4		58	PSV	Vietnamese
11	KRAMARENKO	CTK3	50	1	5		65	D-HANH	Russian
12	NGUYỄN BÌNH LONG	CTK3	46-47	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HUU CHINH	CTK3	49	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN LÊ HUY HOANG	CTK3	56	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU THAI PHONG	CTK3	52	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	51	1	4		91	KH-THAC	Vietnamese
17	DO VAN THAO	CTK3	48	1	16		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC PHUONG	CTK3	57	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN NAM TRUNG	CTK3	55	1	10	107	85	CO DIEN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN MẠNH	CTK3	43-45	3	16		70	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN CAO TUẤN	CTK3	54	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
22	HA QUANG HUY	CTK3	53	1	8		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	11	43	683	37	0		
2	BK9	0	0	0	0	16	10		
3	CTK3	12	15	112	891	107	10		
TOTAL		22	26	155	1.574	160	20		
WEIGHT KG				155	1.574	160			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2019	TO: TD1 - BK4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
2	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	600	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ HOÀI THANH	TD1	81-82	2	12		65	YTE	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN NAM	TD1	79	1	5	30	82	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	73	1	5	70	75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LANG	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ QUỐC BẢO	TD1	63	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH XUÂN HÒA	TD1	68	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ BẢNG ĐOÀN*PK-PVD	TD1	69	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VĂN NINH	TD1	66	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
11	HÀ THANH TÙNG	TD1	64	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	TD1	67	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ QUÝ VINH	TD1	75	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	KOPYLOV V.P	TD1	65	1	5		85	KHOAN	Russian
15	NGUYỄN MẠNH LINH	TD1	78	1	5		98	KHOAN	Vietnamese
16	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	80	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	71	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	74	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN PHONG	TD1	72	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
21	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	77	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
22	HỒ VĂN HẬU	TD1	76	1	5		50	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	21	102	1.563	100	16		
2	BK4	0	0	0	0	30	6		
TOTAL		22	21	102	1.563	130	22		
WEIGHT KG				102	1.563	130			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2019	TO: TD5 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Nam - ATUẤN - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

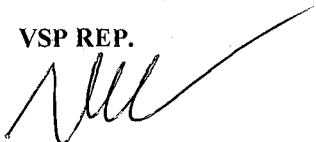
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHCHERBAKOV M.Y	TD5	63	1	7		90	KHOAN	Russian
2	ASTANOV A.A	TD5	64-65	2	10		100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN DINH SAN	CLO	24	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	KIRICHENKO K.P	CLO	17	1	3	20	78	KHOAN	Russian
5	PHAN VIET HUNG	CLO	30	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	VU THE NANG	CLO	21	1	4	24	57	KHOAN	Vietnamese
7	ĐANG KIM DUONG	CLO	25	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN LY	CLO	23	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN LONG	CLO	22	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN TAM	CLO	19	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
11	VU MINH TU	CLO	29	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	TU QUOC VIET	CLO	32	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN DINH	CLO	27	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN NGOC AN	CLO					74	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN QUYNH	CLO	20	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HOI	CLO	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM QUANG ANH	CLO	34	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM ĐUC MINH	CLO	31	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	35-36	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG THANH MINH	CLO	26	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM THE QUANG	CLO	28	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HONG PHUOC	CLO	37	1	5		70	AN-TOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

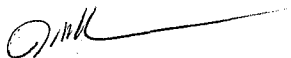
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	3	17	190	0	0		
2	CLO	20	20	97	1.337	44	22		
TOTAL		22	23	114	1.527	44	22		
WEIGHT KG				114	1.527	44			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2019	TO: PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRUỖNG - HIỂU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DIONG YENG CHING	PPD	43-44	2	20	90	81	KH-THAC	Malaysian
2	PHAM MINH CHAU	PPD	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET CHINH	PPD	46	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
4	KHONG TIEN DUNG	PPD	36	1	4		76	KHI	Vietnamese
5	LE QUANG HUY	PPD	41-42	2	15		71	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN MINH	PPD	56	1	5		81	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN BAU	PPD	30	1	5		61	ANTOAN	Vietnamese
8	TRAN VAN PHUC	PPD	39	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN LINH	PPD	57	1	5		70	NIPI	Vietnamese
10	TRAN THI THANH	PPD	33	1	5		64	PSV	Vietnamese
11	PHAM QUOC TU	PPD	31	1	6		50	PSV	Vietnamese
12	PHAN THANH HAI	PPD	32	1	4		67	PSV	Vietnamese
13	HOANG VAN TRONG	PPD	29	1	7		90	PSV	Vietnamese
14	TRAN TIEN BANG	PPD	34	1	2		62	PSV	Vietnamese
15	VU THE LIEN	PPD	47	1	7		67	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KIEN	PPD	38	1	9		70	PSV	Vietnamese
17	QUACH SY TY	PPD	40	1	2		65	PSV	Vietnamese
18	PHAM VAN GIANG	PPD	35	1	6		59	PSV	Vietnamese
19	TRAN LE VIET	PPD	48	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MINH DONG	PPD	49	1	2		46	PSV	Vietnamese
21	HOANG VAN CONG	PPD	37	1	5		56	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NHAN	PPD	50	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	142	1.467	90	22		
	TOTAL	22	24	142	1.467	90	22		
	WEIGHT KG			142	1.467	90			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2019	TO: PVD6 - RC4 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - THU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TRUNG	PVD6	97	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM HONG QUY	RC4	21	1	10		60	DVL	Vietnamese
3	PHAM HAI LONG	RC4	25	1	10		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN ĐUNG	RC4	22	1	10	40	55	DVL	Vietnamese
5	ĐANG VĂN CHUNG	RC4	23	1	12		70	DVL	Vietnamese
6	PHẠM VĂN CUÔNG	RC4	26-27	2	15		70	DVL	Vietnamese
7	VÔ CHÍ THANH	RC4	24	1	10		75	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN GIN	TD1	32-33	2	7		64	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ MẠNH HUNG	TD1	90	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
10	DƯƠNG TRUNG KIẾN	TD1	34	1	7		62	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEN	TD1	96	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
12	VU TU HUE	TD1	30-31	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	TD1	93-94	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD1	91-92	2	10		50	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN ĐẠI HAI	TD1	95	1	15	15	72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VIỆT DUNG	TD1	28-29	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ HỒNG VĂN	TD1	27-99	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
18	VU VAN HUNG	TD1	98	1	10		60	NIPI	Vietnamese
19	MAI DUY KHANH	TD1	01-02	2	15		70	NIPI	Vietnamese
20	VU VAN PHUC	TD1	97	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	1	1	6	82	0	0		
2	RC4	6	7	67	405	40	2		
3	TD1	13	20	145	840	15	20		
TOTAL		20	28	218	1.327	55	22		
WEIGHT KG				218	1.327	55			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2019	TO: RP1 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - ATUÁN - Huy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	RP1	05	1	4		74		D-HANH
2	NGUYỄN THANH HUNG	RP1	09	1	5		79		KH-THAC
3	NGUYỄN QUANG THĂNG	RP1					76		KH-THAC
4	LƯƠNG ANH VŨ	RP1	15	1	10		63		CODIEN
5	ĐẶNG TUẤN ANH	RP1	13	1	7		83		CODIEN
6	ĐO VIỆT LONG	RP1	04	1	10		58		CODIEN
7	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP1	10-11	2	15		63		CODIEN
8	CHULKOV	RP1	01	1	8		73	Bus	NIPI
9	THAI DOÀN BÌNH	RP1	14	1	5	142	73		NIPI
10	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	06	1	6		85		PSV
11	DƯƠNG TRUNG KIẾN	RP1	07	1	6		65		PSV
12	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	12	1	7		63		PSV
13	HOANG NGỌC TOÀN	RP1	03	1	3		65		PSV
14	ĐINH VĂN CHUYỀN	RP1	02	1	10		67		PSV
15	LÊ PHƯỚC ĐỨC	RP1	08	1	7		73		PSV
16	LẠI ANH TUẤN	CLO	43-44	2	15		100		KH-THAC
17	PHAN QUANG VŨ	CLO	46	1	10		78		KH-THAC
18	VŨ ĐỨC SANG	CLO	42	1	10		73		KH-THAC
19	VŨ THAI THANH	CLO	45	1	11		82		KH-THAC
20	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	CLO	41	1	12		85		KH-THAC
21	NGUYỄN HÀM HÀ	CLO	40	1	5		65		DVL

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	15	15	103	1.060	142	8		
2	CLO	6	7	63	483	0	10		
TOTAL		21	22	166	1.543	142	18		
WEIGHT KG				166	1.543	142			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

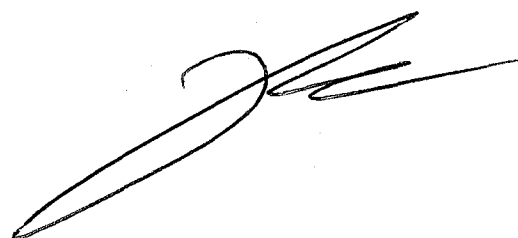
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2019	TO: CTK3 - BK10 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - DTùng	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUU TRONG	CTK3	75-76	2	17		67	CODIEN	Vietnamese
2	DOAN TUAN DUONG	CTK3	70-71	2	19		69	CODIEN	Vietnamese
3	PHAN VAN TUAN	CTK3	72	1	5	20	72	PSV	Vietnamese
4	DO VAN KHANH	CTK3	73	1	3		70	PSV	Vietnamese
5	TRAN DINH MINH	CTK3	66	1	5		67	PSV	Vietnamese
6	VUONG DINH DONG	CTK3	64	1	4		79	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN THU TRANG	CTK3	69	1	4		70	PSV	Vietnamese
8	HOANG VAN BAC	CTK3					72	PSV	Vietnamese
9	LE VAN MINH	CTK3	68	1	4		75	PSV	Vietnamese
10	PHAN CONG SAM	CTK3	74	1	5		66	PSV	Vietnamese
11	DINH QUANG KHOI	CTK3	67	1	4		57	PSV	Vietnamese
12	TRAN VAN CAN	CTK3	65	1	9		73	PSV	Vietnamese
13	DOAN XUAN CUONG	BK10	83	1	15		74	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN BA THUAN	BK10	76-77	2	19	85	66	CODIEN	Vietnamese
15	PHAM TIEN CUONG	BK10	91-92	2	12		70	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN DINH KHA	BK10	81-82	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN DUY BAI	BK10	79-80	2	14		74	CODIEN	Vietnamese
18	TRAN THUC LOI	P8	71	1	6		62	D-HANH	Vietnamese
19	CHU MINH HUNG	P8	73	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
20	MISHIN	P8	70	1	7		108	NIPI	Russian
21	QUAN DUC THANG	P8	72	1	4		72	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

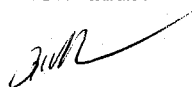
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	13	79	837	20	10		
2	BK10	5	9	75	349	85	2		
3	P8	4	4	24	316	0	7		
TOTAL		21	26	178	1.502	105	19		
WEIGHT KG				178	1.502	105			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2019	TO: BK16 - BK6 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - Vu	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH XUAN TINH	BK16	64-65	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
2	VU VAN KHA	BK16	61	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRANG	BK16	62-63	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC HOANG	BK16	59-60	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
5	DO XUAN PHUONG	BK16	66-67	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
6	DUONG VAN TIEN	P2	97	1	5		75	M&E VINA	Vietnamese
7	THAI VIET DINH	P2	68-69	2	14		56	KHOAN	Vietnamese
8	LUU DINH MINH	P2	87-89	3	15		66	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN KY TUAN	P2	98	1	5	40	78	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VIET THANH	P2	39-41	3	14		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC SON	P2	61	1	9	17	55	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN CAO CUONG	P2	96	1	6	42	68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC TUAT	P2	94	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
14	LA TUAN LINH	P2	95	1	6		69	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC KHANH	P2	70	1	8		60	PSV	Vietnamese
16	PHAM HONG DIEN	P2	60	1	5		66	PSV	Vietnamese
17	DIU KIEU HANH	P2					80	PSV	Vietnamese
18	PHAM NGOC CUONG	P2	71	1	3		66	PSV	Vietnamese
19	BUI LONG HUNG	P2	72	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	TRAN VAN DUC	P2	75	1	4		50	PSV	Vietnamese
21	HOANG QUOC LONG	P2	38	1	5		57	PSV	Vietnamese
22	LE XUAN DAM	P2	37	1	2	58	65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	9	87	333	0	0		CHUYEN 1 PAX BK6 SANG P2
2	BK6	0	0	0	0	0	0+1		
3	P2	17	21	114	1.116	157	22		
TOTAL		22	30	201	1.449	157	22		
WEIGHT KG				201	1.449	157			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2019	TO: RC3 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - Huy	ETA: 13:20
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	RC3	32-33	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HAI	RC3	29	1	13	40	55	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN BA DIỆN	RC3	30	1	13	14	79	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ XUÂN HAI	RC3	35	1	17		83	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÌNH QUANG SƠN	RC3	34	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM QUY DUNG	RP2	62-63	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
7	VÕ NG MINH PHƯỚC	RP2	60-61	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG XUÂN KIẾN	RP2	67	1	20		65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỊNH	RP2	68	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HA TUÂN DUNG	RP2	65-66	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN CHÍNH	RP2	64	1	14		63	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẠO HỮU TUYẾN	RP2	58-59	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VY	RP3	77	1	3		67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HA	RP3	82	1	3		65	PSV	Vietnamese
15	TRẦN THANH HAI	RP3	80	1	2		58	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	78	1	2		54	PSV	Vietnamese
17	MAI VĂN HÙNG	RP3	79	1	3	25	55	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HIẾU	RP3	81	1	4		55	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH HẠO	RP3	98	1	5		79	PSV	Vietnamese
20	VÕ ĐỨC NGHĨA	RP3	99	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	TRẦN QUANG PHÚC	RP3	600	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	5	6	72	332	54	0		
2	RP2	7	11	120	472	0	2		
3	RP3	9	9	32	553	25	19		
TOTAL		21	26	224	1.357	79	21		
WEIGHT KG				224	1.357	79			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2019	TO: P3 - P6 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - DTùng	ETA: 15:10
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG BIEN	P3	24-25	2	14		68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN BA SON	P3	28-29	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGO VAN QUAN	P3	30-31	2	17		53	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN CAM	P3	36-37	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TRUNG	P3	27	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
6	LE TRONG HUNG	P3	34-35	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN HIEN	P3	32-33	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN Y	P3	26	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
9	LE MINH HOANG	P3	38-39	2	9		81	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DUONG	P3	40-41	2	18		82	NIPI	Vietnamese
11	TA NGOC THANH	P6	05	1	14	75	75	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HONG LINH	P6	04	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	LE THANH BINH	P6	03	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM HONG PHONG	P6	02	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TUAN VIET	P9	84	1	13		86	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO KINH THAO	P9	77	1	13		71	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU DUC	P9	80-82	3	13		82	T-TIN	Vietnamese
18	DO VAN KIM	P9	83	1	3		66	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN DANG BIEN	P9	76	1	3		66	PSV	Vietnamese
20	LE VAN VIET	P9	78	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	PHAM THE THUAN	P9	75	1	5		72	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC TUAN	P9	79	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	10	18	146	711	0	2		
2	P6	4	4	39	279	75	4		
3	P9	8	10	60	590	0	16		
TOTAL		22	32	245	1.580	75	22		
WEIGHT KG				245	1.580	75			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2019	TO: CNV - P10 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 13:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - Vu	ETA: 15:15
TRANG: 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH XUÂN TOÀN	CNV	55-56	2	13	35	65	T-TIN	Vietnamese
2	VŨ VĂN CUNG	CNV				50	67	T-TIN	Vietnamese
3	ĐO ĐÌNH VĂN	P10				25	68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ HUY	P10	17	1	4	35	80	CODIEN	Vietnamese
5	VŨ ANH MINH	P10	20-21	2	16		75	T-TIN	Vietnamese
6	TRƯƠNG QUANG TUU	P10	18-19	2	8		70	T-TIN	Vietnamese
7	TRẦN MINH BẠCH	P10	24	1	6		59	PSV	Vietnamese
8	BUI VĂN QUANG	P10					73	PSV	Vietnamese
9	BUI VĂN NGUYỄN	P10	31	1	3		73	PSV	Vietnamese
10	ĐO ĐẠI DƯƠNG	P10	32	1	14		60	PSV	Vietnamese
11	VŨ XUÂN TIẾN	P10	25	1	7		70	PSV	Vietnamese
12	PHẠM THANH HUNG	P10	23	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC SƠN	P10	22	1	4		77	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P4	58	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	P4	56-57	2	19		81	XAYLAP	Vietnamese
16	KIM VĂN TÍNH	P4	50-51	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VIỆT HUY	P4	55	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P4	48-49	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI VĂN CHUNG	P4	59-60	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	P4	52-53	2	18		51	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN ANH	P4	54	1	15		76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	2	13	132	85	0		
2	P10	11	11	67	770	60	5		
3	P4	8	13	125	515	0	8		
TOTAL		21	26	205	1.417	145	13		
WEIGHT KG				205	1.417	145			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+PVD6	7:25	19+3	0+0		14+8	0+0	
2		TD2+P6	7:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
3		CTK3+PPD	7:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
4		P7+TD2	7:25	20+2	0+0		18+4	0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ P7-TD2
5		TD2+PPD-RP1	9:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
6		AMD+VSP01	9:25	17+5	0+0		13+9	0+0	
7		PVD6	9:25	22	0		22	0	
8		P8	9:25	22	0		22	0	
9		TTC2+TTC1+P6	11:25	7+5+10	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
10		P4	11:25	22	0		22	0	
11		BK14+VSP02+RP3	11:25	1+9+12	0+0+0		1+7+13	0+0+0	
12		VSP01	11:25	22	0		21	0	
13		TTC3+AMD	13:25	14+7	0+0		8+14	0+0	CHECK IN 12.00
14		TGTH5+AMD+P8	13:25	3+10+8	0+0+0		3+2+17	0+0+0	
15		P4+P6	13:25	13+9	0+0		6+16	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 NGƯỜI TD5 VỀ QUA BK14;
2/8 NGƯỜI ĐI VSP01 VỀ CHUYỂN 2 TRONG NGÀY

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: VSP01 - PVD6	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Thanh - Khang - TRƯỜNG	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN KHUYEN	VSP01					70	DH	Vietnamese
2	NENASTYEV D.N.	VSP01	24	1	4		90	ZARUBEZH	Russian
3	ROMANOV	VSP01	20	1	6		90	KH-THAC	Russian
4	PHAM VAN DUC	VSP01	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN SON	VSP01	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN CHAU	VSP01	22	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH TUAN	VSP01	21	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VAN TRUONG	VSP01	18	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH HAI	VSP01	19	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU TOAN	VSP01	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM THANH HA	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU HANH	VSP01					66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRIANDOFILIDI Y.I	VSP01					98	KH-THAC	Russian
14	SABITOV A.A	VSP01					78	KH-THAC	Russian
15	VU QUANG THANH	VSP01	13,26	2	10		70	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KHAN	VSP01	15	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	LE XUAN THANG	VSP01					58	SHINTRAC	Vietnamese
18	TRAN ANH DUNG	VSP01	16-17	2	10		70	SHINTRAC	Vietnamese
19	BORVYNSKY	VSP01	25	1	6		82	KH-THAC	RUS e
20	TRAN VAN TRUNG	PVD6	54-55	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
21	TRIEU MINH NHUT	PVD6	53	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
22	DO QUACH MICH	PVD6	52	1	5		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

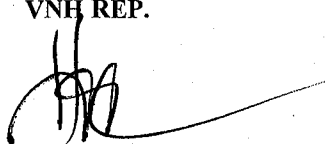
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	19	15	76	1.406	0	14		
2	PVD6	3	4	19	190	0	8		
TOTAL		22	19	95	1.596	0	22		
WEIGHT KG				95	1.596	0			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

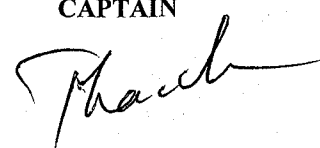
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: TD2 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - Nam - Năm	ETA: 09:15
CAM4			

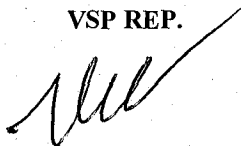
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN CHINH	TD2	48	1	3	22	81	KHOAN	Vietnamese
2	DOROSHENKO M.K	TD2	40	1	6	40	93	KHOAN	Russian
3	LE MINH ĐỨC*TT	TD2	86	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
4	LE TUAN NGHIA	TD2	91	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
5	QUACH VAN TOI	TD2	43	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	LY ANH TUAN	TD2	49	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN BAC	TD2					77	KHOAN	Vietnamese
8	CAO DINH THANH	TD2	52	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
9	LE HUY TUYEN	TD2	44	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGOC DO	TD2	50	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	DO VAN CUONG	TD2	45	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG DINH THANG	TD2	54	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH QUANG HUY	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
14	VU XUAN TRUONG	TD2	42	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUNG	TD2	53	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
16	HA VAN LINH	TD2	87	1	5		91	KHOAN	Vietnamese
17	VU ĐỨC THANH	TD2	51	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	MAI ĐỨC THÂN	TD2	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	DINH VAN TAI	TD2	47	1	2		51	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN CHI ĐỨC	TD2	46	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM THỊ CHUYỀN	TD2	55	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN VINH QUANG	P6	82-83	2	16	40	72	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	19	89	1.509	62	21		
2	P6	1	2	16	72	40	1		
TOTAL		22	21	105	1.581	102	22		
WEIGHT KG				105	1.581	102			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

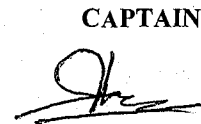
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2019	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hôi - Nnam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KYREEV	CTK3	95	1	5		93	NIPI	Russian
2	CHERNHIADEV	CTK3	96	1	6		69	NIPI	Russian
3	DUONG QUOC VU	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese
4	DO DUY LICH	PPD	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUC QUANG	PPD	59	1	2		74	KHI	Vietnamese
6	TRINH VAN CUONG	PPD	71	1	6		70	KHI	Vietnamese
7	NGO SY THANH	PPD	72	1	2		90	KHI	Vietnamese
8	OKOVANSEV G.P	PPD	68	1	15		115	KHI	Russian
9	NGUYEN VAN NAM	PPD	66	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	TRAN SON TOAN	PPD	65	1	7		70	KHI	Vietnamese
11	VO VAN QUYEN	PPD	73	1	4		68	KHI	Vietnamese
12	LE DUC THANG	PPD	61	1	5		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	PPD	62	1	3		67	KHI	Vietnamese
14	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	64	1	5		92	KHI	Vietnamese
15	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	69	1	4		69	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN THE HUNG	PPD	60	1	3		75	KHI	Vietnamese
17	LUONG MANH DUONG	PPD	74	1	5	65	63	KHI	Vietnamese
18	DOAN MANH TOAN	PPD				38	82	KHI	Vietnamese
19	LE THANH TRUNG	PPD	75	1	4		63	KHI	Vietnamese
20	DO VAN TUAN	PPD	76-77	2	6		72	KHI	Vietnamese
21	TRAN QUOC HUNG	PPD	70	1	7		55	KHI	Vietnamese
22	VU VAN SONG	PPD	67	1	4		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	2	11	232	0	2		
2	PPD	19	19	92	1.412	103	20		
TOTAL		22	21	103	1.644	103	22		
WEIGHT KG				103	1.644	103			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: P7 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - Luy	ETA: 09:30
TRANG-1			

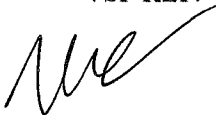
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P7					75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐANG KHÔI NGUYỄN	P7	29-30	2	19		71	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ NGỌC THANH	P7	36	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG THỦY	P7					70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HẬU	P7	31	1	4	17	70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MINH HIỆU	P7	24	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	MAI THANH CHIẾN*PK-PVD	P7	33	1	5		94	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUYNH	P7	26	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN TUYẾN	P7	0				62	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN HAI	P7	27	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HÙNG	P7	25	1	8		58	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HOÀ	P7	32	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH TRUNG NGHĨA	P7	38	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY LINH	P7	28	1	11	80	87	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ TRƯỞNG NAM	P7	23	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LÊN	P7	35	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
17	BUI SƠN HAI	P7	22	1	5		68	D-HANH	Vietnamese
18	VŨ HOANG TÂN	P7	37	1	8	14	92	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TƯỜNG	P7	34	1	9		80	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY HÙNG	P7	45	1	7		65	NIPI	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG TIẾN	TD2	84	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
22	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	85	1	6		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

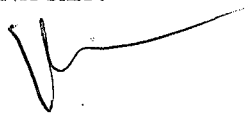
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	20	18	117	1.431	111	18	1	CHUYEN 1PAX TU P7 SANG TD2
2	TD2	2	2	18	155	0	4		
TOTAL		22	20	135	1.586	111	22		
WEIGHT KG				135	1.586	111			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: TD2 - PPD - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Thanh - Khang - Trường	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN BÙU TÂM	TD2	91	1	10		105	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HAI NGÂN	TD2	88	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	BUI THAI QUI	TD2	89	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ MINH TRINH	TD2	86	1	10	55	75	KHOAN	Vietnamese
5	BONIFACIO MURZELLO	TD2	94-95	2	15		77	KHOAN	Indian
6	TRẦN QUANG UT	TD2	92-93	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
7	VÔ TÂN HOA	TD2	96-97	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN CHAU	TD2	78	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN TÙNG	TD2	90	1	12		62	ANTOAN	Vietnamese
10	VŨ THANH DƯƠNG	TD2	400	1	5		80	DVL	Vietnamese
11	LÀ QUÝ DANH	TD2	99	1	5		60	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD2	98	1	5		75	DVL	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	22-24	3	17		65	DVL	Vietnamese
14	NGO XUAN HUONG	PPD	89	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	58	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	ĐANG PHÚC THĂNG	PPD	91	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	92	1	4	42	70	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LÂN	PPD	90	1	5	20	82	KHI	Vietnamese
19	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	88	1	4		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HAI	PPD	86-87	2	15		65	KHI	Vietnamese
21	HOANG NHẬT QUANG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO MẠNH HÙNG	PPD	94	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

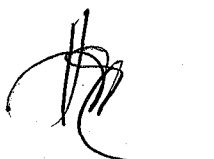
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	13	18	118	945	55	11		
2	PPD	9	9	53	637	62	8		
3	RP1	0	0	0	0	5	3		
TOTAL		22	27	171	1.582	122	22		
WEIGHT KG				171	1.582	122			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2019	TO: AMD - VSP01	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VThắng - Nam - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANTON VAN DER MERWE	AMD	49-50	2	9	100	95	BAB	S.African
2	THAN CANH THINH	AMD	67-69	3	20		75	TLJOC	Vietnamese
3	CAO HUU CHIEU	AMD	57-58	2	13		51	HLJOC	Vietnamese
4	DUONG CHI PHONG	AMD	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN TAN TRI	AMD	41	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	56	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH TRUONG PHI	AMD	45-46	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN TU	AMD	51	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	VU MANH HA	AMD	47	1	10		89	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN QUANG	AMD	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LE ANH MINH	AMD	48	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU QUY DON	AMD	52	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DUC TRUNG	AMD	54-55	2	5		52	KH-THAC	Vietnamese
14	LE PHONG VIEN (PVDI)	AMD	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU DUC CHI	AMD	59-60	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
16	VU VIET THANG	AMD	53	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO CONG BINH	AMD	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI ANH SON	VSP01					61	D-HANH	Vietnamese
19	VU MINH DUC	VSP01	34	1	2		52	D-HANH	Vietnamese
20	PHAM VAN HOAN	VSP01	35	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
21	ARTIUSHIN	VSP01	37	1	14		85	ANTOAN	Russian
22	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	36	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	24	146	1.199	100	13		
2	VSP01	5	4	27	328	0	9		
TOTAL		22	28	173	1.527	100	22		
WEIGHT KG				173	1.527	100			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: PVD6	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hôi - Nnam	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HUU TRUNG	PVD6	56	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
2	TO BUU DAN	PVD6	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM MINH TUAN	PVD6	80	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
4	TU DUONG VAN	PVD6	72	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM THE LAM	PVD6	66	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
6	TA THANH BINH	PVD6	67	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN QUANG DIEP	PVD6	74	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
8	LE ANH TUAN	PVD6	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	DUONG VAN PHUONG	PVD6					60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TRUNG	PVD6	58	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM ANH TINH	PVD6	59	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
12	LE THANH DOAN	PVD6	70	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	PVD6	61	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DANG TICH	PVD6	73	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
15	ANG SENG WHEE	PVD6	68-69	2	15		71	KHOAN	Singapore
16	TRAN QUOC HUY	PVD6	57	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	LE NGUYEN TRONG NGHI	PVD6	64-65	2	14		85	KHOAN	Vietnamese
18	LE ĐẮC VU	PVD6	75	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
19	VÔ HUYNH ANH	PVD6	78-79	2	13		68	KHOAN	Vietnamese
20	MAI HAI LONG	PVD6	76	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
21	BUI CÔNG MINH	PVD6	62-63	2	13		61	KHOAN	Vietnamese
22	NGO VIỆT PHƯƠNG	PVD6	77	1	7		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	25	172	1.538	0	22		
TOTAL		22	25	172	1.538	0	22		
WEIGHT KG				172	1.538	0			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2019	TO: P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Vậ - MMinh - Luy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN QUY	P8	77	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO THANH HUNG	P8	75-76	2	10		75	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HỒNG	P8	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KIM CUONG	P8	91	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	82	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	84	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO NGUYỄN HUNG	P8	89	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO TIỀN ĐẠT	P8	78-79	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRƯỜNG SA	P8	83	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHUNG HA TAI	P8	80	1	5		96	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ANH TRI	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TANH	P8	87	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	P8	86	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUÂN	P8	92	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH NAM	P8	88	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NHÂN	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8	0				92	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRI HUNG	P8	90	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIỀN VU	P8	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BA HOANG	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HUY MẠNH	P8	93	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VIỆT THUẬN	P8	81	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	22	20	111	1.528	0	22		
TOTAL		22	20	111	1.528	0	22		
WEIGHT KG				111	1.528	0			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: TTC2 - TTC1 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - PTUẤN	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LY THANH CHUÔNG	TTC2	21-22	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHUNG MINH HIEU	TTC2	27	1	3	35	77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC XUAN	TTC2	26	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
4	LE PHUONG	TTC2	25	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
5	LUU VAN AN	TTC2	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LUU QUY TRUNG	TTC2	24	1	5		66	PSV	Vietnamese
7	ĐAO MINH ĐỨC	TTC2	28	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	TRAN TRUNG HIEU	TTC1					66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN LINH HOAT	TTC1	62	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN SON TUNG	TTC1	66	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI MANH CUONG	TTC1	63	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUNG	TTC1				36	68	GETRACO	Vietnamese
13	PIATOV S.V	P6	18	1	5		80	KH-THAC	Russian
14	VU VAN HOAN	P6	13	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI TRONG BINH	P6	16	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG THỌ TÂM	P6	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHUONG VAN MINH	P6	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU NHAN	P6	15	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NHAT THANH	P6	12	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
20	HA DUY ĐONG	P6					82	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TIEN DUNG	P6	17	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO VAN TUNG	P6					58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

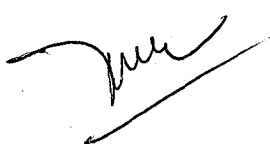
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	7	8	37	450	35	6		
2	TTC1	5	3	16	348	36	6		
3	P6	10	8	56	726	0	10		
TOTAL		22	19	109	1.524	71	22		
WEIGHT KG				109	1.524	71			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2019	TO: P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Năm - DUONG - Năm	ETA: 13:15
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YAKIMENKO V.A.	P4	88	1	7		110	KHI	Russian
2	ZAGYDAEV V.E	P4	87	1	3		75	KHI	Russian
3	NGUYEN VAN NAM	P4	92	1	3		58	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG HA	P4	21	1	3		69	KHI	Vietnamese
5	PHAM QUOC DUY	P4	24	1	5	118	61	KHI	Vietnamese
6	LE VAN HOAN	P4	700	1	5		66	KHI	Vietnamese
7	TRAN VAN PHUC	P4	93	1	3		67	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THINH	P4	91	1	8		72	KHI	Vietnamese
9	TRAN DAI	P4	20	1	6		74	KHI	Vietnamese
10	LE VAN MANH	P4	23	1	3		57	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN LE HUY	P4	17	1	10		64	KHI	Vietnamese
12	DUONG DINH HIEN	P4	26	1	3		67	KHI	Vietnamese
13	VU NGOC TUAN	P4	89-90	2	9		83	KHI	Vietnamese
14	LE QUANG VINH	P4	18-19	2	11		73	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG NAM	P4	27	1	5		63	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN THANH GIAP	P4	16	1	6		69	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	25	1	5		76	KHI	Vietnamese
18	PHAN SI TUAN	P4	28,86	2	2		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEN	P4	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO KIM NGHIEM	P4	95	1	15		66	CODIEN	Vietnamese
21	LE THANH HIEU	P4	94	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN DANH TRUNG	P4	96-97	2	12		66	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	26	137	1.532	118	22		
	TOTAL	22	26	137	1.532	118	22		
	WEIGHT KG			137	1.532	118			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: BK14 - VSP02 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 13:20
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN THUY	BK14	54	1	8		80	DK9	Vietnamese
2	NGUYEN HUU NHAN	VSP02	34	1	5	25	78	NIPI	Vietnamese
3	DOAN TIEN LU	VSP02	33	1	8		67	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN DUC THANG	VSP02	05	1	5		100	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN HONG DUC	VSP02	04	1	3		56	PSV	Vietnamese
6	HAN VAN HIEU	VSP02	07	1	5		75	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VU BA LINH	VSP02	07	1	2	10	67	PSV	Vietnamese
8	LUONG MANH GIANG	VSP02	01	1	6	22	64	PSV	Vietnamese
9	LE VAN CHI	VSP02	03	1	3		54	PSV	Vietnamese
10	DO XUAN HANH	VSP02	06	1	4		77	PSV	Vietnamese
11	REVIKIN V.N	RP3	85	1	10		100	KHI	Russian
12	LE NHU NGUYEN	RP3	90-91	2	11		64	KHI	Vietnamese
13	HA VAN THUY	RP3	87	1	4		74	KHI	Vietnamese
14	PHAM VAN KY	RP3	86	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	VO DON LONG	RP3	95	1	6		66	KHI	Vietnamese
16	HOANG VAN HAI	RP3	92	1	8		60	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TUNG	RP3					77	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VIET KY	RP3	94	1	4		69	KHI	Vietnamese
19	NGO NGOC HAN	RP3	89	1	5	70	60	KHI	Vietnamese
20	LAI VAN MINH	RP3	93	1	5		67	KHI	Vietnamese
21	TA PHI KHANH	RP3					74	KHI	Vietnamese
22	TRAN VAN MINH	RP3	88	1	6		88	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

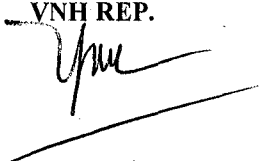
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	1	8	80	0	1		
2	VSP02	9	9	41	638	57	7		
3	RP3	12	11	64	866	70	13		
TOTAL		22	21	113	1.584	127	21		
WEIGHT KG				113	1.584	127			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

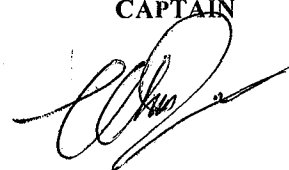
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2019	TO: VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: TTrung - Hạnh - Toàn	ETA: 13:30
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN BAC	VSP01	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	30	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LE SY KHOI	VSP01					86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC THIÊN	VSP01	38	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THANH	VSP01	40	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THUY	VSP01	34	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ HUNG DUNG	VSP01	45	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH HA	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	33	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN THUY	VSP01	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH TAN DUNG	VSP01	31-32	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	42	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUY ĐÔNG	VSP01	35	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH LỢI	VSP01	41	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH TIEN BINH	VSP01	43	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ QUỐC THINH	VSP01	39	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ VĂN ĐIẾP	VSP01	27	1	4		68	PSV	Vietnamese
19	DUÔNG BA HUNG	VSP01					77	PSV	Vietnamese
20	ĐINH ĐOÀN TUNG	VSP01	37	1	4		56	PSV	Vietnamese
21	HA THE BINH	VSP01	28	1	3		70	PSV	Vietnamese
22	ĐỖ ĐỨC CHI	VSP01	36	1	3		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	19	90	1.572	0	21		
TOTAL		22	19	90	1.572	0	21		
WEIGHT KG				90	1.572	0			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: TTC3 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 13:30
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - PTUẤN	ETA: 15:10
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	69	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN BAC	TTC3	71	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN KHUONG	TTC3	68	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN MINH	TTC3	77	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG TÂN	TTC3	73	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG QUYẾT THANG	TTC3	74	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ZHUCK	TTC3	79	1	13		118	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN AN NINH	TTC3	78	1	14		73	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ TRỌNG NHIÊN	TTC3	75-76	2	10		52	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG TRỌNG BAI	TTC3	70	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGHI	TTC3	81	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TRƯỞNG	TTC3	80	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TIẾP	TTC3	82	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	72	1	7	128	67	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN CONG MANH	TTC3	67	1	8		75	PSV	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC CUÔNG	AMD	73	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÀ NGỌC MẠNH (PVDI)	AMD	71	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN SAU	AMD	72	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN KHÁC CHÍNH	AMD	70	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THUY (PVDI)	AMD	77	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TUẤN ANH	AMD	75-76	2	9		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

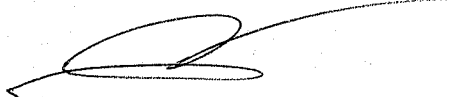
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	15	16	138	1.056	128	8		
2	AMD	7	8	43	445	0	14		
TOTAL		22	24	181	1.501	128	22		
WEIGHT KG				181	1.501	128			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2019	TO: TGTH5 - AMD - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 13:35
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: TTrung - Hạnh - Toan	ETA: 15:15
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HUY HOANG	TGTH5	84	1	8	60	68	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH5	51	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TGTH5	85-86	2	13		69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	02	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN PHẠNG	AMD	01	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC CƯỜNG	AMD	09-10	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG TIẾN TOÀN	AMD	15-16	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC DŨ	AMD	05-06	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ TIẾN PHỤNG	AMD	11-12	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU ANH HUNG	AMD	07-08	2	7		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN KHUÔNG	AMD	03-04	2	9		73	KH-THAC	Vietnamese
12	VU VIỆT BÌNH	AMD	14	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY DUNG	AMD	13	1	6		72	PSV	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HUNG	P8	96	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LƯƠNG	P8	99	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN PHÚC	P8	95	1	5		62	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	600	1	5		50	PSV	Vietnamese
18	ĐẠU CÔNG SÁU	P8	98	1	5		80	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	97	1	4		55	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LOAN	P8	03	1	5		50	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN NHUẬN	P8	61-62	2	18		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	3	4	26	204	60	3		
2	AMD	10	16	101	709	0	2		
3	P8	8	9	62	502	0	17		
TOTAL		21	29	189	1.415	60	22		
WEIGHT KG				189	1.415	60			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2019	TO: P4 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:40
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 15:20
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH ĐỨC	P4	79	1	9		68	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN THAI NGỌC	P4	80	1	7	30	83	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN QUỐC	P4	71-72	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HIỀN	P4	73-74	2	20		83	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT SƠN	P4	81	1	17		51	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN PHÚC	P4	69-70	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG ANH TUẤN	P4	83-84	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ NGỌC KHÁNH	P4	82	1	13	15	70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGHI	P4	78	1	5		71	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	77	1	5		83	PSV	Vietnamese
11	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P4	75	1	7		63	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN SAO	P4	76	1	5		67	PSV	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HÙNG	P4	68	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC AN	P6	19	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HUY THAI	P6	22	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	20	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG MINH	P6					77	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	87	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN BUI TOÀN	P6	24	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P6	23	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN KHÁNH	P6	21	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
22	KIEU TUẤN ANH	P6	86	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

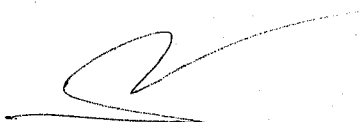
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	17	145	914	45	6		
2	P6	9	8	57	638	0	16		
TOTAL		22	25	202	1.552	45	22		
WEIGHT KG				202	1.552	45			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+BK3+VSP01	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TD3-BK3
2		TTC3+BK16+TD5	7:25	7+0+15	0+0+0		0+0+21	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX BK16-TD5
3		TD1+TD3+P7	9:25	4+17+1	0+0+0		1+20+0	0+0+0	
4		P1+P9+TD5	9:25	12+0+10	0+0+0		2+8+12	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/7 NGƯỜI TU P2 VỀ QUA TD3; 3 NGƯỜI SANG TD3 ĐỂ ĐI BK3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2019	TO: TD3 - BK3 - VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - Hạnh - DTùng	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OLEYNIK IVAN	TD3	44	1	6		70	KHOAN	Russian
2	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	49	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN BA HÙNG	TD3				25	80	DVL	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DU	TD3	31-33	3	15	55	60	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HOÀN	TD3	53-54	2	15	30	70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN QUÝ	TD3	60-61	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẠO MINH HAI	TD3	41-42	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	TD3	36-37	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN HỮU THỌ	TD3	48	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3					98	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	43	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	50	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH AI HỮU	TD3	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3	35	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ LONG PHI	TD3	52	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	51	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	34	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG CÔNG THỊNH	TD3	39	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THẮNG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	30	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM THANH DŨNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG HUY LONG	TD3	40	1	5		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	24	147	1.576	110	19	3	CHUYEN 03 PAX TU TD3 SANG BK3
2	BK3	0	0	0	0	0	0		
3	VSP01	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	24	147	1.576	110	22		
WEIGHT KG				147	1.576	110			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

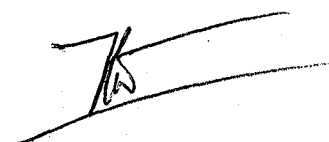
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2019	TO: TTC3 - BK16 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hồi - TRƯỞNG - Vũ	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NGU	TTC3	19	1	10	20	67	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LAI	TTC3	92	1	15	8	58	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN VINH	TTC3	77-78	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚC SANG	TTC3	89,91	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DUNG	TTC3	93	1	6		71	XAYLAP	Vietnamese
6	HA VAN DUNG	TD5	74	1	5	55	86	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NHƯ Y	TD5	77	1	20		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	66	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	61	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
10	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	76	1	4		89	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN HIỀN	TD5	75	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HOÀN*PK-PVD	TD5	62	1	9		87	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY KHANH	TD5					78	KHOAN	Vietnamese
14	VI HÙNG CUÔNG	TD5	73	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUÂN ANH	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	70	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HIỆU	TD5	72	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
18	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD5	68-69	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
19	TRỊNH HOÀNG KHANH	TD5	71	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
20	LE TIEN DUNG	TD5					72	KHOAN	Vietnamese
21	DANG MINH KHAI	TD5	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	UVAISHOV A.X	TD5					97	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	5	7	62	327	28	0		CHUYỂN 1 PAX TỪ BK16 SANG TD5
2	BK16	0	0	0	0	0	0		
3	TD5	17	14	103	1.327	55	22		
TOTAL		22	21	165	1.654	83	22		
WEIGHT KG				165	1.654	83			

GRAND TOTAL: 1.902 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/03/2019	TO: TD1 - TD3 - P7	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HƯNG - Hạnh - DTùng	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC LAI	TD1	09	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN AN	TD1	04	1	5	28	60	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ VĂN THANH	TD1	05	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC VIỆT	TD1	03	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
5	ĐANG ĐÌNH ĐỊNH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
6	PHUNG VAN XUYEN	TD3	71	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	65	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
8	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	68	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG NGOC NGHIA	TD3	64	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD3	74	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ TIẾN LỤC	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN HOANG LAM	TD3	72	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD3	63	1	8		53	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN HOÀN	TD3	77-78	2	17	18	65	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG ANH	TD3	73	1	8		70	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	69	1	3		60	DVL	Vietnamese
17	BUI BACH DUONG	TD3	70	1	9		70	DVL	Vietnamese
18	HOANG VAN TRUNG	TD3	62	1	7		67	YTE	Vietnamese
19	PHAN ĐÌNH NHẬT	TD3	79-80	2	17		70	BAKER HUC	Vietnamese
20	PHẠM NGUYỄN ANH KHOA	TD3	75-76	2	17		78	BAKER HUC	Vietnamese
21	TRẦN THANH TUÂN	TD3	66-67	2	17		70	BAKER HUC	Vietnamese
22	ZHDANOV VLADIMIR	P7	46	1	13		125	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	33	260	28	2		
2	TD3	17	19	134	1.141	18	20		
3	P7	1	1	13	125	0	0		
TOTAL		22	24	180	1.526	46	22		
WEIGHT KG				180	1.526	46			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

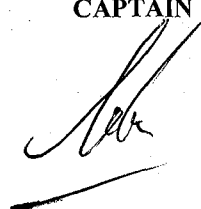
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2019	TO: P1 - P9 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HỒi - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 11:55
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	P1	23-24	2	20	30	64	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HOÀN	P1	51	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LONG	P1	45	1	12		57	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN ĐOÀN	P1	52	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
5	TRƯƠNG CHI THANH	P1	46,58	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG DUY DUNG	P1	59-60	2	11		62	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN THẮNG	P1	25	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
8	VỊ THAI	P1	26	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ QUANG VINH	P1	49-50	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHIẾN	P1	42,82	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
11	HÀ MẠNH CƯỜNG	P1	43-44	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN ĐÀU	P1	63	1	10	15	69	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG NGỌC DANH	TD5					60	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HUY TIẾN HAI	TD5	83	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	85	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	84	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
17	TÀ HOÀI TRĂNG	TD5	81	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	87-88	2	14		65	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN GIANG	TD5	86	1	6		71	DVL	Vietnamese
20	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD5	82	1	6		67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	18	178	792	45	2		
2	P9	0	0	0	0	0	8		
3	TD5	8	8	42	521	0	11		
TOTAL		20	26	220	1.313	45	21		
WEIGHT KG				220	1.313	45			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN